| | |
|---|---|
| **TOÀ ÁN NHÂN DÂN**<br>**HUYỆN HẠ LANG**<br>**CAO BẰNG** | **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

Bản án số: 26/2017/HNGĐ-ST
Ngày 01-8-2017
*V/v: Xin ly hôn.*

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HẠ LANG - CAO BẰNG**

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà:* Ông Nông Văn Tùng.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Hà Kim Huấn.

2. Ông Đàm Thanh Xuân.

***Thư ký phiên toà:*** Ông Sầm Đức Hiệp - Thư ký Toà án nhân dân huyện Hạ Lang, Cao Bằng.

Ngày 01 tháng 8 năm 2017, tại Trụ sở Toà án nhân dân huyện Hạ Lang, Cao Bằng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 19/2017/TLST-HNGĐ ngày 04/4/2017 về việc xin ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 408/2017/QĐXX - ST ngày 11 tháng 7 năm 2017 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Nông Thị B.

Nơi cư trú: Xóm N, xã C, huyện T, tỉnh Cao Bằng. Có mặt.

2. Bị đơn: Hoàng Văn H.

Nơi cư trú: Xóm P, xã Đ, huyện H, tỉnh Cao Bằng. Vắng mặt không lý do.

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện xin ly hôn ngày 21/3/2017 và quá trình tố tụng, nguyên đơn Nông Thị B trình bày: Giữa chị và bị đơn Hoàng Văn H đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện H, tỉnh Cao Bằng ngày 05/3/2014, việc đăng ký kết hôn là tự nguyện. Sau kết hôn vợ chồng vẫn sống hạnh phúc, sau khi chị sinh con thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh H không chịu làm ăn, thường xuyên mắng chửi chị, có lúc còn đánh và đuổi chị ra khỏi nhà lúc đêm khuya. Vì vậy hai người đã sống ly thân từ tháng 9 năm 2015 đến nay. Giữa chị và anh H có một con chung, hiện nay con đang ở với chồng. Do tình cảm không còn, nên chị B yêu cầu được ly hôn anh H. Sau khi ly hôn chị đề nghị chồng nuôi con chung tên Hoàng Khải Ph, sinh ngày 04/01/2014 đến tuổi trưởng thành, vì hiện nay chị không

có nhà riêng, không có thu nhập. Về vấn đề cấp dưỡng nuôi con đề nghị Tòa giải quyết theo quy định của pháp luật. Các vấn đề khác không yêu cầu giải quyết.

Tại đơn trình bày ngày 15/4/2017, bị đơn anh Hoàng Văn H xác nhận giữa anh và chị B có 01 con chung được 3 tuổi. Sau khi sinh con được một năm thì chị B bỏ nhà đi làm thuê bên Trung Quốc, con bị bệnh tim anh phải bán đất lấy tiền phẫu thuật cho con hết 5.000.000đ. Nay anh yêu cầu chị B trả số tiền này và cho chị B nuôi con đến 18 tuổi, nêu chị B không nuôi con thì anh sẽ nuôi và yêu cầu chị B cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000đ, phương thức cấp dưỡng một lần.

Tại phiên tòa: Chị B vẫn giữ nguyên yêu cầu được ly hôn, đề nghị chồng nuôi con chung và cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật. Các vấn đề khác không yêu cầu Tòa án giải quyết.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về tố tụng: Bị đơn anh Hoàng Văn H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn cố tình không tham gia phiên hòa giải. Căn cứ khoản 1 Điều 207 Bộ luật Tố tung dân sự, đây thuộc trường hợp vụ án dân sự không tiến hành hòa giải được. Tòa án ra Quyết định đưa vụ án ra xét xử vào ngày 26/7/2017, sau đó Hội đồng xét xử ra Quyết định hoãn phiên tòa do anh H vắng mặt không lý do, phiên tòa được mở lại vào ngày 01/8/2017. Mặc dù đã được tống đạt hợp lệ cả hai lần và niêm yết công khai tại Ủy ban nhân dân xã nhưng bị đơn vẫn cố tình trốn tránh không có mặt tại phiên tòa. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2]. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nông Thị B và anh Hoàng Văn H đăng ký kết hôn ngày 05/3/2014 tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện H, tỉnh Cao Bằng. Việc đăng ký kết hôn là tự nguyện, như vậy việc kết hôn giữa chị B và anh H là hợp pháp và quan hệ vợ chồng được công nhận từ ngày đi đăng ký kết hôn.

Quá trình chung sống giữa hai vợ chồng tính tình không hợp nên cuộc sống không được hòa thuận, hạnh phúc. Anh H không chịu làm ăn, thường xuyên mắng chửi chị B, có lúc còn đánh và đuổi chị ra khỏi nhà lúc đêm khuya. Vì vậy hai người đã sống ly thân từ tháng 9 năm 2015 đến nay.

Từ những phân tích, nhận định trên đây, xét thấy tình trạng hôn nhân giữa chị B và anh H đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do vậy, yêu cầu xin ly hôn của chị B là có căn cứ nên cần được chấp nhận theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân gia đình năm 2014.

[3]. Về con chung: Hội đồng xét xử thấy rằng, hiện nay chị B không có công việc ổn định, không có nhà riêng, cháu Ph lại bị bệnh tim, nếu giao cho chị B nuôi dưỡng sẽ không đảm bảo cho sự phát triển bình thường của cháu. Mặt khác hiện nay cháu Ph đang ở cùng bố và đi học tại trường tiểu học xã Đ. Nếu thay đổi môi trường sẽ ảnh hưởng đến việc học và sinh hoạt của cháu. Do đó, cần giao con chung cho anh H nuôi dưỡng và buộc chị B cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 700.000đ (bảy trăm nghìn đồng). Phương thức cấp dưỡng theo tháng, thời hạn cấp dưỡng kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật.

[4]. Về tài sản chung và các khoản nợ: Không có tài liệu chứng minh chị B, anh H có tài sản chung và các khoản nợ. Mặt khác chị B không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5]. Về yêu cầu của anh H buộc chị B trả số tiền 5.000.000đ: Hội đồng xét xử xét thấy, việc chăm sóc, giáo dục con chung là nghĩa vụ của cả cha và mẹ. Mặt khác anh H cũng không có tài liệu, chứng cứ chứng minh cho khoản tiền này nên không có căn cứ để chấp nhận.

[6].Về án phí: Chị B phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

*Vì các lẽ trên,*

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 56, 58, 107 và 110 Luật Hôn nhân gia đình 2014;

**Tuyên xử:**

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nông Thị B được ly hôn anh Hoàng Văn H.

2. Về con chung: Giao con chung tên Hoàng Khải Ph, sinh ngày 04/01/2014 cho anh H chăm sóc, nuôi dưỡng. Buộc chị B có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 700.000đ (bảy trăm nghìn đồng) đến khi cháu Ph đủ 18 tuổi (hoặc đến khi có Quyết định hoặc Bản án khác của Tòa án thay thế), phương thức cấp dưỡng theo tháng, thời điểm cấp dưỡng kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật.

Sau khi ly hôn, chị B có quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở anh thực hiện quyền này.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Về tài sản chung và các khoản nợ: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Theo quy định tại điểm b khoản 3 Điều 192 Bộ luật Tố tụng dân sự thì chị B và anh H vẫn có quyền yêu cầu thay đổi người nuôi con, mức cấp dưỡng và xem xét vấn đề tài sản chung, các khoản nợ bằng một vụ án khác theo quy định.

4. Về án phí: Áp dụng Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chị B phải chịu án phí dân sự sơ thẩm số tiền 300.000đ và án phí cấp dưỡng nuôi con số tiền 300.000đ để sung quỹ Nhà nước, nhưng được trừ vào tiền tạm ứng

án phí đã nộp là 300.000đ, do Chi cục thi hành án dân sự huyện Hạ Lang thu. Nay chị B còn phải nộp thêm số tiền 300.000đ (ba tram nghìn đồng).

5. Về quyền kháng cáo: Chị B có quyền kháng cáo Bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Anh H có quyền kháng cáo Bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày được tống đạt Bản án hợp lệ./.

***Nơi nhận***:
- TA tỉnh;
- VKS huyện;
- Chi cục THA dân sự;
- UBND xã Đ;
- Các đương sự;
- Lưu án văn;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà**

**(Đã ký)**

**Nông Văn Tùng**